TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 163/2025/HNGĐ-ST. Ngày: 31- 12 - 2025. V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Hiệp.

Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 394/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị M, sinh ngày 03/5/1994 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn L, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 10 năm 2025, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn bà Võ Thị M trình bày: Bà Võ Thị M và ông Trần Văn L kết hôn nhân năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Cần Thơ) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 30/01/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, vợ chồng không hạnh phúc. Từ năm 2015, bà M và ông L không còn sống chung đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên bà Võ Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Trần Văn L.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Võ Thị M và ông Trần Văn L có 01 người con chung là Trần Trung T, sinh ngày 31/12/2011, con chung hiện nay đang sống với ông L. Bà M đồng ý giao con chung cho ông L nuôi dưỡng đến đủ tuổi trưởng thành. Bà M không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Văn L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Trần Văn L theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông L không liên lạc với Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Võ Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Trần Văn L đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng nêu trên.

Về nội dung:

[2] Bà Võ Thị M và ông Trần Văn L kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Cần Thơ) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 30/01/2012. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị M và ông Trần Văn L là hôn nhân hợp pháp. Khi thụ lý vụ án, Tòa án thông báo cho ông Trần Văn L về việc thụ lý vụ án theo thông báo số 181/TB-TLVA ngày 03/11/2025, nhưng ông L vẫn không liên hệ đến tòa án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà M. Nay bà M giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông L. Xét thấy, bà Võ Thị M và ông Trần Văn L xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung kể từ năm 2015 đến nay, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu tiếp tục kéo dài hôn nhân sẽ không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân giữa bà Võ Thị M và ông Trần Văn L không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị M.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Võ Thị M và ông Trần Văn L có 01 người con chung là Trần Trung T, sinh ngày 31/12/2011, con chung hiện nay đang sống với ông L. Khi ly hôn, bà M đồng ý giao con chung cho ông L nuôi dưỡng đến đủ tuổi trưởng thành. Xét thấy, kể từ khi bà M và ông L không còn chung sống với nhau thì con chung vẫn do ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến nay, để đảm bảo không làm thay đổi môi trường sống quen thuộc của

cháu Trần Trung T, Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung cho ông Trần Văn L được quyền nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà Võ Thị M được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Võ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007148 ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Như vậy, bà M đã thực hiện xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị M được quyền ly hôn với ông Trần Văn L.

[2] Về con chung: Giao cho ông Trần Văn L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Trung T, sinh ngày 31/12/2011 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà Võ Thị M được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Võ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007148 ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Như vậy, bà M đã thực hiện xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND. TP. Cần Thơ;
- VKSND KV8- Cần Thơ;
- UBND xã Hòa Tú;
- Phòng THA dân sự KV8- Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ái Mỹ